

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2010

**THÔNG TƯ****Điều chỉnh, sửa đổi Thông tư số 34/2009/TT-BCT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Bản thỏa thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào, ký ngày 28 tháng 7 năm 2005;

Căn cứ Bản thỏa thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về việc điều chỉnh và bổ sung Bản thỏa thuận giữa Bộ Công Thương CHXHCN Việt Nam và Bộ Thương mại CHDCND Lào về các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào ký ngày 17 tháng 01 năm 2009;

Bộ trưởng Bộ Công Thương điều chỉnh, sửa đổi Thông tư số 34/2009/TT-BCT ngày 17 tháng 11 năm 2009 về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào như sau:

**Điều 1. Nội dung điều chỉnh, sửa đổi**

Điều chỉnh, sửa đổi, Phụ lục số 01 về Mã số hàng hoá và tổng lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu từ Lào năm 2010 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BCT ngày 17 tháng 11 năm 2009 về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào như sau:

| <b>Tên hàng</b>  | <b>Mã số hàng hoá</b> | <b>Tổng lượng hạn ngạch năm 2010</b> | <b>Ghi chú</b>                  |
|--|-----------------------|--------------------------------------|---------------------------------|
| <b>I- Thóc và gạo các loại</b>   |                       |                                      | Tỷ lệ quy đổi: 2 thóc = 1,2 gạo |
| Thóc loại khác   | 1006.10.00.90         | 40.000 tấn quy gạo                   |                                 |
| Gạo thom loại khác đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ | 1006.30.19.00         |                                      |                                 |
| Gạo nếp đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ            | 1006.30.30.00         |                                      |                                 |
| Gạo loại khác đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ      | 1006.30.90.00         |                                      |                                 |
| <b>II- Lá và cọng thuốc lá</b>   |                       |                                      |                                 |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng                            | 2401.10.10.00         | <b>3.000 tấn</b>                     |                                 |

|  |               |  |  |
|--|---------------|--|--|
| không khí nóng   |               |  |  |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia chưa sấy bằng không khí nóng                   | 2401.10.20.00 |  |  |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, đã sấy bằng không khí nóng                        | 2401.10.30.00 |  |  |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng                      | 2401.10.90.00 |  |  |
| Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng | 2401.20.10.00 |  |  |
| Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Burley.                             | 2401.20.40.00 |  |  |
| Cọng lá thuốc lá   | 2401.30.10.00 |  |  |

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2010 và hết hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

2. Bãi bỏ Phụ lục số 01 về Mã số hàng hoá và tổng lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu từ Lào năm 2010 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2009/TT-BCT. Các nội dung khác của Thông tư số 34/2009/TT-BCT nêu trên giữ nguyên hiệu lực.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thành Biên**